

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1400/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 ĐỂ THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể,

hợp tác xã giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 2 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm đối với hợp tác xã hoạt động trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển, bổ sung danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch vốn năm 2024 để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;



Căn cứ Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 87/TTr-SKH ngày 13 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mục II Điều 1 Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, như sau:

1. Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm số vốn phân cấp cho UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa là 27.505 triệu đồng; trong đó, ngân sách trung ương 25.186 triệu đồng, ngân sách địa phương 2.319 triệu đồng (ngân sách tỉnh 652 triệu đồng, ngân sách huyện 1.667 triệu đồng).

- Điều chỉnh tăng cho Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông để thực hiện Dự án mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề với số vốn là 27.505 triệu đồng; trong đó, ngân sách trung ương 25.186 triệu đồng, ngân sách địa phương 2.319 triệu đồng (ngân sách tỉnh).

2. Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với tổng số vốn là 1.598 triệu đồng, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm 1.598 triệu đồng: Dự án 1 là 1.240 triệu đồng, Dự án 2 là 358 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng 1.598 triệu đồng: Dự án 4 là 647 triệu đồng, Dự án 10 là 951 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I.1, I.2, I.3 đính kèm)

Điều 2. Phê duyệt bổ sung danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024 tại Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 300 triệu đồng (Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm).

Điều 4. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ dự toán điều chỉnh, UBND các huyện, thành phố trình HĐND cùng cấp điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đảm bảo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc nhà nước Đắk Nông và các đơn vị có liên quan thực hiện điều chỉnh dự toán theo quy định.

3. Giao các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố căn cứ Quyết định này khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, giải ngân nguồn vốn bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Trưởng ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện và thành phố; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông; Giám đốc Công ty TNHH MTV khai thác Công trình thủy lợi Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT.

03

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

VON MY

Phụ lục I.1

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Quyết định số 1460 /QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục các chương trình	Tổng cộng		Trong đó							
				Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương					
		Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Tổng		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	
						Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
	Tổng cộng	2.394.325	2.394.325	1.896.654	1.896.654	497.671	497.671	115.590	117.257	382.081	380.414
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.136.614	1.136.614	1.062.193	1.062.193	74.421	74.421	32.889	32.889	41.532	41.532
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	502.591	502.591	456.901	456.901	45.690	45.690	30.701	32.368	14.989	13.322

2

Phụ lục I.2

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án, tiêu dự án	Tổng số		Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương					
						Tổng		Trong đó			
		Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
A	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	2.394.325	2.394.325	1.896.654	1.896.654	497.671	497.671	115.590	117.257	382.081	380.414
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	160.936	188.441	106.021	131.207	54.915	57.234	54.915	57.234	-	-
1	Trường Cao đẳng cộng đồng Đắk Nông	23.760	51.265	21.600	46.786	2.160	4.479	2.160	4.479	-	-
1.1	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề Trường Cao đẳng cộng đồng	-	27.505	-	25.186	-	2.319	-	2.319	-	-
II	PHÂN CẤP CHO CẤP HUYỆN	2.233.389	2.205.884	1.790.633	1.765.447	442.756	440.437	60.675	60.023	382.081	380.414
1	UBND huyện Krông Nô	210.576	206.134	155.866	151.738	54.710	54.396	622	433	54.088	53.963
2	UBND huyện Cư Jút	142.011	137.449	82.592	78.368	59.419	59.081	-	-	59.419	59.081
3	UBND huyện Đắk Míl	360.257	357.807	268.134	265.906	92.123	91.901	-	-	92.123	91.901
4	UBND huyện Đắk Song	181.662	180.326	136.683	135.469	44.979	44.857	2.679	2.642	42.300	42.215
5	UBND huyện Đắk R'Lấp	158.502	156.084	88.901	86.702	69.601	69.382	-	-	69.601	69.382
6	UBND huyện Tuy Đức	541.596	537.088	491.798	487.700	49.798	49.388	27.423	27.136	22.375	22.252
7	UBND huyện Đắk Glong	604.943	602.744	554.363	552.364	50.580	50.380	29.951	29.812	20.629	20.568
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	33.842	28.252	12.296	7.200	21.546	21.052	-	-	21.546	21.052
B	CHI TIẾT	2.394.325	2.394.325	1.896.654	1.896.654	497.671	497.671	115.590	117.257	382.081	380.414
B.1	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	502.591	502.591	456.901	456.901	45.690	45.690	30.701	32.368	14.989	13.322
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	88.775	88.775	80.705	80.705	8.070	8.070	4.367	6.034	3.703	2.036
1	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	76.916	76.916	69.924	69.924	6.992	6.992	3.532	5.199	3.460	1.793
1	Trường Cao đẳng cộng đồng Đắk Nông	23.760	51.265	21.600	46.786	2.160	4.479	2.160	4.479	-	-

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Tổng số		Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương					
						Tổng		Trong đó			
		Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	
								Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
1.1	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề Trường Cao đẳng cộng đồng	-	27.505	-	25.186	-	2.319	-	2.319	-	-
*	Phân cấp cho cấp huyện	53.156	25.651	48.324	23.138	4.832	2.513	1.372	720	3.460	1.793
1	UBND huyện Krông Nô	6.948	2.352	6.316	2.034	632	318	189	-	443	318
2	UBND huyện Cư Jút	6.645	2.083	6.041	1.817	604	266	-	-	604	266
3	UBND huyện Đắk Mil	6.040	3.590	5.491	3.263	549	327	-	-	549	327
4	UBND huyện Đắk Song	6.040	4.704	5.491	4.277	549	427	165	128	384	299
5	UBND huyện Đắk R'Lấp	6.040	3.622	5.491	3.292	549	330	-	-	549	330
6	UBND huyện Tuy Đức	7.853	3.345	7.139	3.041	714	304	500	213	214	91
7	UBND huyện Đắk Glong	8.154	5.955	7.413	5.414	741	541	518	379	223	162
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	5.436	-	4.942	-	494	-	-	-	494	-
B.2	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	1.136.614	1.136.614	1.062.193	1.062.193	74.421	74.421	32.889	32.889	41.532	41.532
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	87.096	85.856	83.588	82.396	3.508	3.460	1.598	1.598	1.910	1.862
*	Phân cấp cho cấp huyện	87.096	85.856	83.588	82.396	3.508	3.460	1.598	1.598	1.910	1.862
1	UBND huyện Krông Nô	18.368	18.233	18.108	17.973	260	260	78	78	182	182
2	UBND huyện Đắk R'Lấp	5.339	4.388	5.255	4.352	84	36	-	-	84	36
3	UBND thành phố Gia Nghĩa	575	421	535	381	40	40	-	-	40	40
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	629.454	629.096	579.941	579.583	49.513	49.513	23.960	23.960	25.553	25.553
*	Phân cấp cho cấp huyện	629.454	629.096	579.941	579.583	49.513	49.513	23.960	23.960	25.553	25.553
1	UBND huyện Krông Nô	8.600	8.242	8.600	8.242	-	-	-	-	-	-
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	278.216	278.863	278.216	278.863	-	-	-	-	-	-
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	278.216	278.863	278.216	278.863	-	-	-	-	-	-
*	Phân cấp cho cấp huyện	278.216	278.863	278.216	278.863	-	-	-	-	-	-
1	UBND huyện Krông Nô	45.134	45.781	45.134	45.781	-	-	-	-	-	-

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Tổng số		Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương					
						Tổng		Trong đó			
		Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
IV	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	5.893	6.844	5.893	6.796	-	48	-	-	-	48
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5.893	6.844	5.893	6.796	-	48	-	-	-	48
*	Các Sở, ban, ngành	1.474	1.474	1.474	1.474	-	-	-	-	-	-
1	Ban Dân tộc	1.444	1.444	1.444	1.444	-	-	-	-	-	-
2	Liên minh Hợp tác xã	30	30	30	30	-	-	-	-	-	-
*	Phân cấp cho cấp huyện	4.419	5.370	4.419	5.322	-	48	-	-	-	48
1	UBND huyện Krông Nô	120	120	120	120	-	-	-	-	-	-
2	UBND huyện Cư Jút	25	25	25	25	-	-	-	-	-	-
3	UBND huyện Đắk Mil	31	31	31	31	-	-	-	-	-	-
4	UBND huyện Đắk Song	31	31	31	31	-	-	-	-	-	-
1	UBND huyện Đắk R'Lấp	25	976	25	928	-	48	-	-	-	48
6	UBND huyện Tuy Đức	1.902	1.902	1.902	1.902	-	-	-	-	-	-
7	UBND huyện Đắk Glong	2.285	2.285	2.285	2.285	-	-	-	-	-	-

2

Phụ lục I.3

**ĐIỀU CHỈNH NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN
03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Quyết định số 1410 /QĐ-UBND ngày 14 /11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Ngân sách địa phương					
		Tổng		Trong đó			
		Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	
Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh			Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh		
	TỔNG CỘNG	497.671	497.671	115.590	117.257	382.081	380.414
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	45.690	45.690	30.701	32.368	14.989	13.322
I	Các Sở, ban, ngành	2.915	5.234	2.915	5.234	-	-
II	Phân cấp cho cấp huyện	42.775	40.456	27.786	27.134	14.989	13.322
1	UBND huyện Krông Nô	678	364	203	14	475	350
2	UBND huyện Cư Jút	652	314	-	-	652	314
3	UBND huyện Đắk Mil	594	372	-	-	594	372
4	UBND huyện Đắk Song	586	464	176	139	410	325
5	UBND huyện Đắk R'lấp	594	375	-	-	594	375
6	UBND huyện Tuy Đức	19.451	19.041	13.616	13.329	5.835	5.712
7	UBND huyện Đắk Glong	19.702	19.502	13.791	13.652	5.911	5.850
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	518	24	-	-	518	24
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	74.421	74.421	32.889	32.889	41.532	41.532
I	Các Sở, ban, ngành	-	-	-	-	-	-
II	Phân cấp cho cấp huyện	74.421	74.421	32.889	32.889	41.532	41.532
1	UBND huyện Krông Nô	1.396	1.396	419	419	977	977
2	UBND huyện Cư Jút	2.029	2.029	-	-	2.029	2.029
3	UBND huyện Đắk Mil	14.100	14.100	-	-	14.100	14.100
4	UBND huyện Đắk Song	8.344	8.344	2.503	2.503	5.841	5.841
5	UBND huyện Đắk R'lấp	4.754	4.754	-	-	4.754	4.754
6	UBND huyện Tuy Đức	19.725	19.725	13.807	13.807	5.918	5.918
7	UBND huyện Đắk Glong	23.086	23.086	16.160	16.160	6.926	6.926
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	987	987	-	-	987	987
C	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	377.560	377.560	52.000	52.000	325.560	325.560

/

PHỤ LỤC II

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 DO CÁC ĐƠN VỊ CẤP TỈNH THỰC HIỆN THUỘC 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia				
						Tổng mức đầu tư	NSNN			Vốn huy động hợp pháp khác
							Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
TỔNG CỘNG						42.297	41.275	35.556	5.719	1.022
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (nguồn thông báo sau)					14.792	13.770	10.370	3.400	1.022
I	Thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 (1)					5.650	5.085	3.829	1.256	565
1	Hỗ trợ Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ tổng hợp Đức Mạnh	Xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xây dựng nhà kho khoảng 300m ² và sân phơi bê tông diện tích khoảng 1.500m ²	2024-2025	1.450	1.305	983	322	145
2	Hỗ trợ Hợp tác xã phát triển nông nghiệp công bằng Thanh Thái	Xã Năm Nung, huyện Krông Nô	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xây dựng xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm cà phê nhân với diện tích khoảng 220m ² ; Xây dựng xưởng sơ chế, chế biến ướt cà phê quả tươi với diện tích khoảng 200m ²	2024-2025	1.200	1.080	813	267	120
3	Hỗ trợ Hợp tác xã Thương mại sản xuất nông nghiệp VINA	Xã Nam Dong, huyện Cư Jút	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xây dựng nhà xưởng sản xuất với diện tích khoảng 200m ² ; nhà kho đóng gói thành phẩm với diện tích khoảng 200m ²	2024-2025	1.400	1.260	949	311	140
4	Hỗ trợ Hợp tác xã Nông nghiệp – Thương mại – Dịch vụ Đức Tâm	Xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xây dựng nhà kho bảo quản nông sản với diện tích khoảng 400m ²	2024-2025	1.600	1.440	1.084	356	160
II	Thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (2)					9.142	8.685	6.541	2.144	457
1	Đầu tư nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Đắk N'DRung, huyện Đắk Song	Xã Đắk N'DRung, huyện Đắk Song	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ống cấp nước; mở rộng đầu nối thêm khoảng 150 hộ gia đình có nhu cầu sử dụng nước sạch	2024-2025	2.500	2.375	1.788	587	125
2	Đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước tập trung xã Đắk Mol, huyện Đắk Song	Xã Đắk Mol, huyện Đắk Song	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đầu tư khoan mới 01 giếng thay thế giếng cũ đã hết nước; thay thế máy bơm cũ đã hư hỏng, xuống cấp; thay thế hệ thống lọc đã xuống cấp; sơn sửa tường rào, nhà trạm, bể chứa	2024-2025	1.000	950	715	235	50

STT	Chương trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia				
						Tổng mức đầu tư	NSNN			Vốn huy động hợp pháp khác
							Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
3	Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trung tâm xã Nam Đà huyện Krông Nô	Xã Nam Đà, huyện Krông Nô	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông	Đầu tư làm mới hệ thống trạm bơm thu nước, xử lý nguồn nước thô, bể chứa nước sạch, hệ thống điện vận hành và tuyến ống cấp nước từ khu xử lý nước tại hồ Nam Đà để dẫn nước sạch cấp đầu nối vào mạng lưới ống cấp nước hiện hữu đang có. Cải tạo lại các hạng mục, thiết bị vận hành của công trình hiện hữu. Đầu tư mở rộng tuyến ống cấp nước để đầu nối thêm khoảng 100 hộ dân có nhu cầu.	2024-2025	5.642	5.360	4.038	1.322	282
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG					27.505	27.505	25.186	2.319	-
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					27.505	27.505	25.186	2.319	-
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn					27.505	27.505	25.186	2.319	-
1	Đầu tư mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông	Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh ĐắkNông	Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông	Đầu tư mua sắm trang thiết bị, trong đó ưu tiên ngành, nghề trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng, địa phương.	2024-2025	27.505	27.505	25.186	2.319	



PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch đầu tư công năm 2024				Ghi chú
								Tổng mức đầu tư			Tổng cộng					Trong đó				
								Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó			
									NSTW	NST		Vốn hợp pháp khác (nếu có)	NSTW	NST			Vốn hợp pháp khác (nếu có)	Tổng cộng	NSTW	
TỔNG CỘNG								10.630	4.600	5.540	490	10.630	4.600	5.540	490	9.357	300	-	300	-
A	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới							10.630	4.600	5.540	490	10.630	4.600	5.540	490	9.357	300	-	300	-
I	Thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ							10.630	4.600	5.540	490	10.630	4.600	5.540	490	9.357	300	-	300	-
1	Đầu tư nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung trung tâm xã ĐăkR'la huyện ĐăkMil (công trình cung cấp nước cho thôn 2, 3, 4)	Xã Đăk R'la huyện Đăk Mil	Công ty TNHH MTV khai thác Công trình thủy lợi Đăk Nông	KBNN Đăk Nông	8057609	311	2023-2025	10.630	4.600	5.540	490	10.630	4.600	5.540	490	9.357	300		300	